

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ- ST
Ngày 03-02-2021
V/v ly hôn và nuôi con chung
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Bích Thủy

- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31-12-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14-01-2021; thông báo mở lại phiên tòa số 05 ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Giáp C, xã K, huyện L- tỉnh Y- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phùng Trung D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Giáp C, xã K, huyện L- tỉnh Y- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày: Chị T và anh Phùng Trung D kết hôn với nhau ngày 16-4-2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Y. Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D hay cờ bạc, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà chửi mắng đánh đập vợ con. Mâu thuẫn lớn từ năm 2018 anh D ghen tuông vô cớ đánh đập chị nhiều hơn, không chịu đựng

được chị T đã phải sống ly thân anh D từ tháng 6-2020. Nay chị T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung, tên là Phùng Kim Đ, sinh ngày 19-9-2007 và Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 13-7-2009. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phùng Thị Hải Y, nhất trí để anh D trực tiếp nuôi cháu Phùng Kim Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 25-12-2020 anh Phùng Trung D trình bày: Anh D và chị Đặng Thị T kết hôn với nhau ngày 16-4-2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Y. Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh D và chị T chung sống hạnh phúc đến năm đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đi làm ăn xa có quan hệ ngoại tình với người khác, anh D có khuyên bảo nhiều lần. Chị T đã sống ly thân anh D từ tháng 6-2020. Nay anh D xác định tình cảm vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải về đoàn tụ.

Về con chung: Anh D và chị T có hai con chung, tên là Phùng Kim Đ, sinh ngày 19-9-2007 và cháu Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 13-7-2009. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phùng Thị Hải Y, để anh D trực tiếp nuôi cháu Phùng Kim Đ anh D đồng ý, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh D và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án nhân dân huyện L đã nhiều lần tiến hành hòa giải: Lần thứ nhất vào ngày 22-12-2020 bị đơn anh Phùng Trung D vắng mặt không có lý do; lần thứ hai ngày 28-12-2020 nguyên đơn chị Đặng Thị T vắng mặt có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị T được ly hôn anh D; giao cháu Phùng Thị Hải Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phùng Kim Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy

định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm*: Chị Đặng Thị T và anh Phùng Trung D kết hôn với nhau ngày 16-4-2007, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D hay cờ bạc, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà chửi mắng đánh đập vợ con, chị T và anh D đã sống ly thân từ tháng 6-2020. Nay chị T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về phía anh D trong quá trình giải quyết vụ án anh xác định tình cảm vẫn còn không nhất trí ly hôn, nhưng anh D không đưa ra được chứng cứ nào là còn tình cảm với chị T. Tại biên bản xác minh tại nơi cư trú và sinh sống của chị T và anh D cũng xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh D từ năm 2018 là do anh D có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và thường xuyên có hành vi bạo lực với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị T và anh D là Trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị T được ly hôn anh D.

{4} *Về con chung*: Chị T và anh D có hai con chung, tên là Phùng Kim Đ, sinh ngày 19-9-2007 và cháu Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 13-7-2009. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phùng Thị Hải Y, để anh D trực tiếp nuôi cháu Phùng Kim Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh cũng đồng ý yêu cầu nuôi con của chị T. Xét thấy: Yêu cầu về nuôi con của chị T có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với thực tế được Hội đồng xét xử chấp nhận. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Phùng Trung D

2- Về con chung xử: Giao cháu Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 13-7-2009. Cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phùng Kim Đ, sinh ngày 19-9-2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0008399 ngày 08-12-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T, anh Phùng Trung D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- UBND xã K;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh